

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 03-9-2025
*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Công

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Nam;

2. Ông Nông Quang Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Văn Thuận - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) khu vực 7 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 03/2025/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp: “*Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 12/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Long Thị X, sinh năm 1992 (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Minh Y, sinh năm 1984 (vắng mặt không có lý do).

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (nay là thôn T, xã C, tỉnh Thái Nguyên).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 10-3-2025, nộp trực tiếp ngày 17-3-2025, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Long Thị X trình bày:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Minh Y chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã C, tỉnh Thái Nguyên) ngày 24/7/2012. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên sau một thời gian sống chung, cho đến năm 2021 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Trần

Minh Y nghiện chất ma túy, hay dọa dẫm, đánh đập chị X. Hai vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2025 cho đến nay. Chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Minh Y.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc X1, sinh ngày 12/11/2012 và cháu Trần Long X2, sinh ngày 13/8/2015 (các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường). Ly hôn chị Long Thị X có nguyện vọng được là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Long X2 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Trần Minh Y phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung: Chị Long Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

**Tại các bản tự khai, đơn trình bày, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Trần Minh Y trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận về thời điểm chung sống, thời điểm đăng ký kết hôn như lời trình bày của chị Long Thị X. Quá trình chung sống anh Y thừa nhận đời sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng chưa đến mức trầm trọng, sau đó chị X có bỏ về nhà ngoại, anh đã gọi điện cho chị X để bảo chị X quay về nhưng chị X không về, anh và chị X đã ly thân từ tháng 3 năm 2025 cho đến nay, anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị X do vậy anh không nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Anh xác nhận hai vợ chồng có các con chung như chị X trình bày. Nếu ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa hòa giải và trước khi diễn ra phiên tòa sơ thẩm, chị X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án giải quyết việc được ly hôn với anh Trần Minh Y và giải quyết yêu cầu nuôi con chung là cháu Trần Long X2. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị X không cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/4/2025, bà Hoàng Thị T, sinh năm 1958 là mẹ đẻ của anh Trần Minh Y xác định giữa hai vợ chồng anh Y và chị X có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng.

Tại văn bản số 131/CACG, ngày 12/5/2025 của Công an xã C, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã C, tỉnh Thái Nguyên) cung cấp thông tin anh Trần Minh Y, sinh năm 1984, có địa chỉ tại thôn T, xã C, tỉnh Bắc Kạn (nay là thôn T, xã C, tỉnh Thái Nguyên) đang nằm trong diện theo dõi, quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy và đã cung cấp cho Tòa án quyết định số 60/QĐ-UBND, ngày 29/4/2025 Quyết định áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy đối với anh Trần Minh Y.

Tại biên bản xác minh ngày 17/4/2025, Tòa án đã làm việc với bà Nông Thị Huyền T, trưởng thôn nơi cư trú của chị X và anh Y cũng xác định tình trạng hôn nhân của anh Y và chị X có xảy ra mâu thuẫn như chị X đã trình bày.

Ngày 12/8/2025, TAND khu vực 7 - Thái Nguyên đã đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, tuy nhiên anh Trần Minh Y không có mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ do vậy Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa và ấn định xét xử lại vào ngày 03/9/2025.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không có mặt tại các phiên tòa dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Người làm chứng cơ bản thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 78 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 39, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Long Thị X.

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn (chị Long Thị X được ly hôn với anh Trần Minh Y).

2.2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Trần Long X2, sinh ngày 13/8/2015 cho chị Long Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi; Giao con chung là cháu Trần Thị Ngọc X1, sinh ngày 12/11/2012 cho anh Trần Minh Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Y, chị X có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, mà không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đề nghị giải quyết do các bên đương sự không yêu cầu.

2.4. Về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung: Không đề nghị giải quyết do các bên đương sự không yêu cầu.

2.5. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Long Thị X yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã C, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn (nay là thôn T, xã C, tỉnh Thái Nguyên) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 7 - Thái Nguyên theo quy định tại Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Long Thị X vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Minh Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Long Thị X và anh Trần Minh Y chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã C, tỉnh Thái Nguyên) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, cả hai bên đương sự đều xác định quá trình chung sống có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Cả hai bên đều thừa nhận vợ chồng đã ly thân từ tháng 3 năm 2025 cho đến nay. Bản thân anh Y đã nhiều lần mong muốn và đề nghị Tòa án cho anh được có cơ hội hàn gắn tình cảm, tuy nhiên chị X vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh Y, vì chị xác định tình cảm giữa hai người không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy chị mong muốn được ly hôn.

Xét tình trạng hôn nhân của hai bên Hội đồng xét xử thấy rằng giữa các bên đã có những mâu thuẫn nhất định, được chính quyền và gia đình xác nhận, bản thân anh Trần Minh Y là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy thuộc diện theo dõi, quản lý của chính quyền xã nơi anh Y và chị X cư trú, chính nguyên nhân đó dẫn đến việc rạn nứt tình cảm vợ chồng do vậy chị X đã có đơn xin ly hôn yêu cầu Tòa án giải quyết, tại phiên hòa giải và trước phiên tòa sơ thẩm chị X vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Y, xét thấy hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài do vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Long Thị X, tuyên cho chị Long Thị X được ly hôn với anh Trần Minh Y.

[2.2] Về con chung:

Vợ chồng chị X và anh Y có hai người con chung là các cháu Trần Thị Ngọc X1, sinh ngày 12/11/2012 và cháu Trần Long X2, sinh ngày 13/8/2015 (các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường), hiện hai con chung đang sống cùng với anh Y. Quá trình giải quyết vụ án, chị X có nguyện vọng được trực tiếp là người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Long X2 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Tòa án đã tiến hành thủ tục ghi nhận nguyện vọng của các cháu Trần Thị Ngọc X1 và cháu Trần Long X2, cháu X1 thì nguyện vọng muốn ở với bố, cháu X2 thì có nguyện vọng được chung sống với mẹ nếu bố, mẹ cháu ly hôn. Qua xác minh tại thôn N (nay là thôn T) và chính quyền địa phương xã C, xác định chị X và anh Y đều có thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Xét nguyện vọng, điều kiện, hoàn cảnh hiện tại của hai bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Trần Thị Ngọc X1 cho bị đơn anh Trần Minh Y là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục, giao cháu Trần Long X2 cho nguyên đơn chị Long Thị X là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Việc giao như vậy là có căn cứ theo quy định tại các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ngoài ra cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung của hai bên đương sự.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung:

Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Long Thị X phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Long Thị X đối với bị đơn anh Trần Minh Y về việc về việc tranh chấp: *“Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”*.

1.1. Về quan hệ hôn nhân

Tuyên bố nguyên đơn chị Long Thị X được ly hôn với bị đơn anh Trần Minh Y.

1.2. Về nuôi con chung

Giao cháu Trần Thị Ngọc X1, sinh ngày 12/11/2012 (cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường) cho bị đơn anh Trần Minh Y là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Trần Thị Ngọc X1 đủ 18 tuổi.

Giao cháu Trần Long X2, sinh ngày 13/8/2015 (cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường) cho nguyên đơn chị Long Thị X là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Trần Long X2 đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

1.4. Về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung:

Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

Nguyên đơn chị Long Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Long Thị X đã nộp theo biên lai thu số: 0000425, ngày 10 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn (nay là Phòng Thi hành án khu vực 7 - Thái Nguyên). Xác nhận nguyên đơn chị Long Thị X đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 7;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã C;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Công

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Huyền

Chu Văn Sín

Hoàng Út Lệ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ngân Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ngân Sơn;
- UBND thị trấn Nà Phặc;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Hoàng Út Lệ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Huyền

Lý Văn Trường

Hoàng Út Lệ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ngân Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ngân Sơn;
- UBND thị trấn Nà Phặc;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Hoàng Út Lệ